

SỐ 1510

LUẬN KIM CANG BÁT-NHÃ

QUYỂN HẠ

Đã nói xong trụ xứ Dục, nay nói đến trụ xứ lìa khỏi mọi chướng ngại. Cần đối trị mười hai thứ chướng ngại là:

1. Kiêu mạn.
2. Không kiêu mạn nhưng ít học.
3. Học rộng nhưng ít nung vào để suy niệm tu đạo.
4. Không ít nung vào để suy niệm tu đạo nhưng lại bỏ chúng sinh.
5. Không xả bỏ chúng sinh, nhưng ưa theo luận nghị loạn động của ngoại đạo.
6. Tuy không loạn động, nhưng không có phương tiện thiện xảo để phá bỏ tướng ảnh tượng.
7. Tuy có phương tiện thiện xảo để phá bỏ, nhưng không đủ phước đức làm hành trang.
8. Tuy có đủ vốn phước đức, nhưng ưa mùi vị biếng nhác và lợi dưỡng.
9. Tuy lìa biếng nhác và lợi dưỡng nhưng không có khả năng chịu khổ.
10. Tuy chịu đựng được khổ, nhưng không đủ hành trang trí tuệ.
11. Tuy đủ hành trang trí tuệ, nhưng bản thân không giữ lấy.
12. Dù tự thâm giữ, nhưng không có sự truyền trao.

Trước hết là phải xua tan kiêu mạn. Kinh nói: “Người Tu-đà-hoàn từng hay nghĩ: Ta được quả Tu-đà-hoàn v.v...” Đây là dựa vào nghĩa, để làm sáng tỏ việc đối trị ý tưởng kiêu mạn là “ta được”. Lại nữa “Tu-đà-hoàn lại nghĩ như thế này”: Câu ấy là nói tướng, để làm sáng tỏ việc xua tan kiêu mạn, cũng là Dục và nguyện, thâm giữ.

Kinh nói: “Thưa Thế Tôn! Không hề có chỗ nhập, nên không nhập nơi sắc-thanh-hương-vị-xúc: “Đây là an lập Đệ nhất nghĩa. Nếu

người Tu-đà-hoàn nghĩ, ta được quả Tu-đà-hoàn, thì tức là có tướng ngã; có tướng ngã là đã có kiêu mạn. Như vậy, cho đến A-la-hán cũng thế. Tu-bồ-đề đã làm sáng tỏ hạnh vô tránh bậc nhất và công đức của A-la-hán cùng có. Tức là lấy sự chứng đắc của mình khiến người ta tin tưởng. Do không có pháp nào để đạt quả A-la-hán và không có chỗ nào để hành, mà nói hạnh Vô tránh. Hạnh Vô tránh, tức là an lập Đệ nhất nghĩa.

Về lìa bỏ chướng ngại ít học, kinh nói: Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đấng Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, có pháp nào để chứng chẳng? Nghĩa là Phật Nhiên Đăng ra đời, khi thờ phụng cúng dường ngài, có pháp có thể giữ lấy. Vì lìa bỏ ngay sự phân biệt ấy, nên nương vào ng-hĩa mà đối trị tùy theo nghĩa và tương ứng, nên biết.

Vì lìa bỏ chướng ngại ít nương vào học để suy niệm-tu-đạo, kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nói như vậy: “Ta phải thành tựu trang nghiêm thanh tịnh cõi nước Phật” v.v... Nếu ý niệm trang nghiêm cõi nước thanh tịnh ấy, thì đó là phân biệt, tham đắm vào sắc-thanh-hương v.v... Để xua tan chướng ngại này, kinh nói: “Vì thế, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên sinh tâm không trụ, không có cái gì để trụ. Không trụ vào sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp”.

Vì lìa chướng ngại bỏ chúng sinh, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Ví như có người, thân lớn như núi chúa Tu-di v.v...”: Ở đây là muốn làm sáng tỏ điều gì? Đây là giáo hóa cho thành thực chúng sinh ở cõi Dục. Các vua La Hâu, A-tu-la đều có thân to bằng núi Tu-di, còn không nên nhìn tự thể đó, hướng chi là những thứ khác. Thế nên kinh nói: “Như Lai nói là không phải thể”: Là làm sáng tỏ pháp Vô ngã.

Thể đó chẳng phải là thể, là làm sáng tỏ thể của pháp là Vô sinh, vô tác. Đây là làm sáng tỏ tự tính, tướng và những chỗ khác nhau của nó.

Vì lìa bỏ chướng ngại ham thích Luận nghị tán loạn của ngoại đạo, kinh nói: Có bốn thứ nhân duyên để chỉ rõ pháp này hơn hết thảy.

1. Thân giữ mọi phước đức.
2. Chư thiên cúng dường.
3. Làm những việc khó làm.
4. Khởi lên ý nghĩa như Như Lai v.v...

Kinh nói: “Do nhân duyên này, nên được phước nhiều hơn phước kia”. Đó là thân giữ mọi phước đức.

Kinh nói: “Giải thích, giảng nói, truyền trao cho kẻ khác: thì địa phận ấy là tướng Chi Đề (Tháp-Miếu dựng Xá lợi Phật nơi chư thiên

v.v... cúng dường”.

Kinh nói: “Sẽ được đầy đủ việc tối thượng, hiếm có: Đó là khó làm”.

Kinh nói địa phận này” tức là chỗ ở giáo thọ sư và những người được tôn trọng khác: Là khởi lên ý nghĩa như Như Lai. Trong đây nói là nói thẳng cho kẻ khác. Truyền trao là truyền dạy cho kẻ khác. Điều đó là làm sáng tỏ pháp đối trị đối với kẻ ham luận nghị tán loạn của ngoại đạo.

Trong pháp như thế, hoặc dấy khởi ngôn thuyết, chấp nghĩa; vì để đối trị những tội ở đời vị lai của họ nên Kinh nói: Như Lai nói Bát-nhã Ba-la-mật, tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật Như Bát-nhã Ba-la-mật, chẳng phải Ba-la-mật. Như vậy cũng không có pháp nào khác. Như Lai nói, là làm sáng tỏ nghĩa ấy.

Kinh nói: “Lại còn có pháp nào”, Như Lai có thể nói không? Đây là làm sáng tỏ pháp môn tự tướng và tướng bình đẳng Đệ nhất nghĩa.

Vì lìa bỏ không có phương tiện thiện xảo phá bỏ ảnh tượng tương tự tại nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Những bụi đất vốn có trong ba ngàn đại thiên thế giới ...” Đó là nói tác ý duyên dựa theo đối tượng không hạn lượng. Vì Bồ-tát luôn tác ý duyên vào thế giới mà tu tập nên nói ba ngàn đại thiên thế giới. Nhằm phá trừ tướng ảnh tượng của sắc thân. Trong thế giới nên chỉ rõ hai thứ phương tiện:

1. Lấy vi tế làm phương tiện, như kinh nói: Những bụi đất hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới, là nhiều có phải không?

2. Không nghĩ đến làm phương tiện, như kinh nói: Hết thấy vi trần, Như Lai nói không phải vi trần, ấy gọi là bụi đất.

Nói vậy là để phá tướng ảnh tượng, danh thân của chúng sinh. Kinh nói: “Cả thấy thế giới, Như Lai nói không phải thế giới, cho nên gọi là thế giới.

Thế giới là chỉ thế giới của chúng sinh, chỉ lấy danh từ nêu đặt tên gọi là thế giới của chúng sinh. Phương tiện không nghĩ đến danh thân tức đã chỉ rõ Tướng ảnh tượng danh thân kia, không cần nói phương tiện vi tế nữa.

Vì lìa bỏ hành trang (tư trang) phước đức không đầy đủ, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có nên nhìn Như Lai bằng ba mươi hai tướng đại trượng phu không”? Điều này là chỉ rõ hành trang phước đức. Khi thân cận, cúng dường Như Lai, thì không nên nhìn thấy Như Lai qua tướng thành tựu của Ngài! Vậy phải nhìn như thế nào? Ấy là phải nhìn thấy pháp thân theo Đệ nhất nghĩa.

Vì lia chướng ngại ưa thích vị biếng nhác, lợi dưỡng, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu có người nam, người nữ, xả bỏ hằng hà sa thân mình v.v...” việc này nhằm làm sáng tỏ điều gì? Bỏ thân nhiều như thế ấy, nhưng hết thấy phước đức, vẫn không bằng phước này. Tại sao có một thân này mà để vướng mắc vào lưới biếng trở thành chướng ngại. Tại sao Tu-bồ-đề phải khóc rơi lệ và nói: “Con chưa từng được nghe pháp môn như thế! Vì nghe được pháp môn này thì phước đức hết sức nhiều, hơn gấp nhiều lần việc xả bỏ thân mạng kia, dù đó là vô lượng. Lại không thể nói phước thù thắng mà khác.

Nếu nghe phước thù thắng như vậy, phát khởi siêng năng rồi, trong pháp này, sanh tưởng như nghĩa; để lia bỏ lỗi này, kinh nói: Những gì nói trong kinh đây, nên sinh tưởng thật, sẽ thành hy hữu bậc nhất”. Tức là trong tưởng thật như thế. Lại vì lia chấp tưởng thật phân biệt, nên kinh nói: Mọi tưởng thật ấy, đều không phải là tưởng thật.

Kinh nói: “Thưa Thế Tôn! Con đối với pháp môn này, nếu tin hiểu, phân biệt, thì đó không phải là việc hy hữu. Nếu ở đời vị lai, có ai thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho kẻ khác về pháp môn này, thì đó mới là việc hy hữu bậc nhất”. Câu này có nghĩa gì? Vì khiến cho các Bồ-tát tham mê lợi dưỡng biếng nhác, sinh tâm hổ thẹn, do thấy đời vị lai, chánh pháp sắp diệt, vẫn có Bồ-tát thọ trì pháp môn này, không chấp người, cũng không chấp pháp. Tại sao, khi chánh pháp đang còn hưng thịnh, mà các ông lại lia khỏi chuyện tu hành, không sinh tâm hổ thẹn.?!

Kinh nói: Các Bồ-tát ấy, không còn tưởng ngã v.v... chuyển điều đó chỉ rõ không chấp vào người. “Mọi tưởng ngã tức không phải tưởng ngã” ấy là chỉ rõ không chấp vào pháp.

Kinh nói: Vì sao? “Vì chư Phật, Thế Tôn đều lia hết thấy tướng”? Đây là chỉ rõ tướng thuận học của Bồ-tát: Chư Phật, Thế Tôn đã lia bỏ hết thấy tướng, thì chúng ta, cũng phải học theo như vậy. Những văn kinh này, nhằm để lia bỏ sự thoái lui mà tinh tấn cho nên nói. Ở trong đó nói: Nếu phân biệt nếu tin hiểu thì đó là câu sau giải thích cho câu trước.

Thọ là nhân lấy văn tự, nhiếp là gồm thâu nghĩa lý.

Vì lia bỏ, chướng ngại phát khởi tinh tấn, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu ai khi nghe chướng cú trong kinh này mà không kinh sợ v.v... Do kinh sợ nên không phát khởi tinh tấn. Đối với Thanh văn thừa, đức Thế Tôn nói: Có pháp và có không, khi nghe kinh này nói pháp không có, nên hoảng sợ. Rồi lại nghe không, cũng không có, thì lại càng sợ hơn.

Khi suy nghĩ, xét lường cả hai trọng lý không có ấy không thể tương ứng, thì càng run sợ. Lại có sự giải thích khác là ba thứ ấy không có tự tính, nên biết. Nghĩa là cùng tương sinh của Đệ nhất nghĩa mà không có tự tính.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Vì sao Như Lai nói Ba-la-mật là đệ nhất? “Nghĩa này thế nào? Là nói lại lần hai, để sinh xấu hổ. Nói pháp này cao tốt là như vậy, các thầy chớ có buông thả. Nó là hơn hết thảy trong các Ba-la-mật khác, nên gọi là Ba-la-mật đệ nhất”.

Kinh nói: “Như Lai nói pháp Ba-la-mật đệ nhất ấy là, vô lượng các đức Phật kia cũng nói pháp Ba-la-mật”. Lời này chỉ rõ, hết thảy chư Phật đều cùng nói pháp đệ nhất. Cho nên gọi là đệ nhất.

Vì lìa bỏ chướng ngại không chịu khổ, kinh nói: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai nói Sằn-đề Ba-la-mật v. v. . .” Ở đây, như những gì có thể nhận, lấy tướng nào để sinh nhận như những loại khác nhau, của nhận tức hiển bày nhân duyên đối trị. Cái gì có thể nhận. Đó là đạt được pháp Vô ngã. Được chỗ độ thế nào. Như kinh nói: “Như Lai nói Sằn-đề Ba-la-mật”. Làm sao biết được tướng của nhận? Là khi ai đó khởi tâm ác với mình do mình không có tướng ngã, nên không sanh ý tưởng giận họ. Cũng không đối với Sằn-đề Ba-la-mật mà sinh ý niệm có, còn những gì không phải Ba-la-mật thì sinh ý niệm không. Nghĩa này thế nào? chỉ rõ như Kinh nói: “Như Ta ngày xưa bị vua Ca Lợi cắt rời thân thể, nhưng khi ấy Ta không có tướng về ngã, và vô tướng. Không ý niệm, cũng chẳng phải vô tướng. Có những loại nhận nào? Đó là nhận chịu khổ hết mức, nhận chịu khổ liên tục. Nghĩa này thế nào. Chỉ rõ như kinh nói: “Như Ta ngày xưa bị vua Ca Lợi cắt rời thân thể”, lại nói: “Ta nhớ lại năm trăm đời, làm vị tiên tu hạnh nhận nhục v.v...”

Nếu không nhận nhận, thì có ba thứ khổ:

1. Khổ vì lưu chuyển trong sinh tử.
2. Khổ vì chúng sinh chống trái nhau.
3. Khổ vì thọ dụng thiếu thốn.

Như kinh nói: “Tu-bồ-đề! Cho nên các đại Bồ-tát phải lìa xa hết thảy tướng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là chỉ rõ nhận chịu khổ lưu chuyển là nhân duyên đối trị. Người phát tâm Bồ-đề do dùng ba loại tướng khổ, này nên không muốn phát tâm. Do đó, nói là phải lìa bỏ hết thảy tướng. Hết thảy tướng là chỉ cho ba tướng khổ đó. Nếu tham đắm vào sắc, v.v... thì mãi thiếu thốn, mệt mỏi trong khổ sở lưu chuyển tâm Bồ-đề không thể phát sinh được.

Kinh nói: “Không nên trụ vào sắc sanh tâm v.v...” như đã nói ở

trước.

“Không trụ phi pháp”, nghĩa là phi pháp Vô ngã. Phi pháp và pháp trong Vô ngã đều không nên trụ chấp vào đó.

Vì để xác lập “không trụ” các chỗ chấp không trở đi trở lại, nên nói ngăn những sự chấp khác. Như kinh nói: Nên sanh tâm vô sở trụ. (Không có gì để trụ) vì sao. Vì nếu tâm có trụ thì trụ ấy chẳng phải là trụ?

Kinh nói: “Như thế, các Bồ-tát làm ích lợi cho chúng sinh, nên như vậy mà bố thí. Cho đến nói: Hết thấy mọi tướng là không phải tướng”. Đây chỉ rõ đối trị là nhận chịu khổ về chúng sanh chống trái. Đã vì chúng sinh mà làm, với ý niệm xả bỏ, thì tại sao Bồ-tát còn nổi giận đối với chúng sinh? Do không thể tưởng không có và có chúng sinh, lấy đây làm nhân duyên, nên khi chúng sinh chống trái, thì sinh ra mỗi một. Đây là chỉ rõ lý về Nhân Vô ngã, Pháp Vô ngã.

Tu-bồ-đề! Lời Như Lai là lời chân thực v.v... Câu ấy chỉ rõ nghĩa lý gì? Muốn khiến cho chúng ta vì tin Như Lai mà có thể nhẫn chịu. Nói lời chân thực ấy là để hiển bày tướng Thế đế. Lời chân thực ấy là chỉ rõ sự tu hành Thế đế, gồm cả tướng phiền não và thanh tịnh. “Thật” tức chỉ rõ đây là hành phiền não, đây là hành thanh tịnh. Lời như ấy là tướng của Đệ nhất nghĩa đế. Lời “không đối khác” là sự tu hành của Đệ nhất nghĩa đế, gồm thâu cả tướng phiền não và thanh tịnh.

Đây đã nói về lời Chân thực rồi, hoặc khởi chấp trước tánh như ngôn thuyết, để lia bỏ chấp trước này. Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Pháp Chánh giác và ngôn thuyết của Như Lai đã nói đó, nó không thật cũng không dối. Không thật ấy là như ngôn thuyết: Tính vốn không có. Không dối ấy là không như ngôn thuyết tự tính là có. “Tu-bồ-đề! Thí như có người trượng phu đi vào nhà tối v.v...” Đó là chỉ rõ sự nhẫn chịu khổ thiếu thốn thọ dụng làm nhân duyên đối trị.

Nếu vì muốn được quả báo bố thí, thì liền bị vướng mắc vào việc làm bố thí. Kể ấy, không thể ra khỏi những ham-muốn-khổ-vui trong những cái mình ban cho. Như người vào nhà tối, không biết mình phải tới lui ra sao. Kể bố thí ham vui này cũng thế.

“Nếu không chấp trước vào sự mà hành bố thí thì như bực trượng phu có mắt, từ đêm tàn chuyển qua trời sáng, mọi sắc hình bày ra, tha hồ tới lui. Nên thấy biết như vậy: người kia khi đêm vô minh qua đi mặt trời trí tuệ xuất hiện rồi thì thấy rõ ràng mọi thứ đúng như thật. Người kia do không biết ra khỏi mọi dục lạc khổ thọ nên đắm mình trong ham thích dục lạc. Vì để lia bỏ hành trang trí tuệ ít ỏi nên Kinh nói: “Tu-bồ-

đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, thọ nhận pháp môn này v.v...” Đây nói vì lìa duyên dựa vào Tam Ma Đề, nên chỉ rõ cần tương ứng với pháp, sẽ có năm thứ công đức tốt đẹp:

1. Như Lai luôn nghĩ nhớ và gần gũi.
2. Gồm thâu phước đức.
3. Khen ngợi pháp và tu hành.
4. Trời, người cúng dường.
5. Trừ diệt tội.

Thế nào là Như Lai nghĩ nhớ và gần gũi? Như Kinh nói: “Ai thọ trì, đọc tụng thì Như Lai lấy trí Phật mà biết đến họ. Như Lai dùng mắt Phật trông thấy họ”. Thọ là học tập thuộc lòng. Trì là không quên. Như đọc tụng, như thâu nhiếp thì đây là nói nhân của thọ trì. Muốn thọ, nên phải đọc, vì muốn trì nên phải thâu nhiếp. Lại nữa, đọc là học tụng thuộc lòng. Thâu nhiếp là tổng xét về nghĩa.

Thế nào là gồm thâu phước đức? Kinh nói: Các chúng sinh ấy, làm phát sinh vô lượng phước đức như thế.

Khen ngợi pháp và tu hành là sao? Như Kinh nói: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp môn này là không thể suy nghĩ, không thể tính kể. Đây là khen ngợi pháp. Không thể suy nghĩ là chỉ mình biết; không thể tính kể là không có gì ngang bằng hay vượt hơn được. Kinh nói: “Vả lại pháp môn này, Như Lai nói cho người phát tâm tối thượng thừa, nói cho người phát tâm tối thắng thừa”: Đây là thành tựu nghĩa không thể tính kể. Các thừa khác không sánh kịp nên tối thượng đã dứt sạch phiền não chướng và trí chướng nên tối thắng, phải biết như vậy.

Kinh nói: “Ai thọ trì pháp môn này, cho đến Như Lai đều thấy, biết v.v...” Đây là khen ngợi sự tu hành. Câu: “Các chúng sinh đó thành tựu vô lượng” là nói tổng quát. Còn câu: “Không thể nghĩ, không thể kể tính, không thể lường”, đó là giải thích. Câu: Những kẻ ấy, vì Ta mà gánh vác đạo Bồ-đề”, nghĩa là đưa vai để lấy gánh nặng Bồ-đề.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề” cho đến ... “tin, hiểu”: Là không thể nghe được pháp này tức là nói hàng Thanh văn, Độc giác.

Kinh nói: “Nếu có ngã kiến v.v...”. Câu này nói chúng sanh có nhân, ngã, kiến mà tự cho mình là Bồ-tát!

Các Trời, Người cúng dường là sao? Như kinh nói: “Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ở nơi nào có sự phân biệt giảng nói kinh này thì phải nên cúng dường cho nơi ấy. Nơi đó gọi là Chi đề. (Tháp Phật) Ở nơi đó dùng tràng hoa quý, hương đốt, hương xông, hương xoa, hượng bột, vải vóc, tàng lọng, cờ phướn cung kính cúng dường, đi vòng quanh bên tay mặt, cho

nên gọi là Chi đề.

Tội được diệt trừ là sao? Như kinh nói: “Kẻ nào bị người khinh rẻ, khinh rẻ thậm tệ... cho đến sẽ được quả Bồ-đề”. Đây là nói về hủy nhục, có vô lượng cách. Để chỉ rõ việc này, nói lại: Khinh rẻ thậm tệ. Kinh nói: Sẽ được quả Bồ-đề, là chỉ rõ diệt hết tội.

Phần trước có nói, do có nhân duyên mới phát sinh vô lượng phước đức nhiều như A Tăng Kỳ, nay sẽ giải thích nghĩa vô lượng A Tăng Kỳ ấy.

- Oai lực là sự thành thực rực rỡ. Nhiều là đầy đủ, trọn vẹn, lớn hơn cả. Trong đó kinh nói: “Tu-bồ-đề! Ta nhớ lại A Tăng Kỳ, vượt khỏi A Tăng Kỳ về trước nữa v.v...” là chỉ rõ oai lực, tức là oai lực của phước tu, vì người ấy có nhiều phước đức thật cao xa và hơn hết. Trong A Tăng Kỳ kiếp này là cho đến Phật Nhiên Đăng v.v... nên biết.

- Vượt khỏi A Tăng Kỳ là vượt khỏi về trước nữa. Thân cận là cúng dường. Không bỏ qua là luôn luôn không rời việc cúng dường.

Lại như Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Có thiện nam, thiện nữ nào, đạt được phước đức như Ta nói đây, nếu có ai nghe nói tâm trí ắt sẽ cuồng loạn v.v...” Đây là chỉ rõ số nhiều. Hoặc vì nhân điên cuồng mà quả là tâm rối loạn. Phước đức quá nhiều và oai lực kia, thì người nào có khả năng nói? Cho nên, kinh nói: “Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp môn này không thể nghĩ bàn. Quả báo cũng không thể nghĩ bàn”. Câu trên là chỉ rõ thể của phước và quả của nó là không thể lường được.

Vì xa lìa việc bản thân giữ lấy, nên kinh nói: “Tu-bồ-đề thưa: Làm thế nào Bồ-tát phát tâm trong Đại thừa, nên trụ vào v.v...”

Tại sao mới đầu Tu-bồ-đề nêu lên câu hỏi này?

Vì khi Bồ-tát sắp chứng đạo, tự thấy mình đã được Thắng xứ (địa vị tốt) bèn nghĩ rằng, Ta đã trụ như vậy, tu hành như vậy, hàng phục tâm như vậy, ta diệt độ chúng sinh... Để đối trị việc này, Tu-bồ-đề đã hỏi Bồ-tát vào thời điểm đó nên để tâm trụ vào đâu, tu hành ra sao, làm chủ tâm như thế nào v.v... Đức Thế Tôn đã đáp, là nên sinh tâm như vậy v.v...

Kinh lại nói: “Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tưởng về chúng sinh v.v... ấy là cái hạnh ta đang giữ lấy, hoặc tùy miên (phiền não). Như nói: ta chính đang thực hành Bồ-tát thừa thì đây là thứ chấp ngã (Ngã thủ) vì đối trị kiến chấp này nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Không có pháp nào để tu hạnh Bồ-tát thừa cả!”

Vì lìa bỏ chướng ngại, không cần truyền trao, nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Như Lai có pháp ở chỗ Phật Nhiên Đăng v.v...”

Kinh lại nói: “Tu-bồ-đề! Nếu có pháp để Như Lai chứng đắc Chánh giác thì Đức Nhiên Đăng đã không thọ kí: Ông sẽ được thành Phật v.v...” Câu ấy có nghĩa gì? Nếu pháp Chánh giác mà nói được, thì Như Lai Nhiên Đăng kia đã nói: Ta vào thời kỳ ấy tức được Chánh giác Phật Nhiên Đăng tức không thọ kí: Ông sẽ được v.v... Ấy là do pháp Chánh giác kia không thể nói ra được. Lúc ấy, Ta chưa được Chánh giác, nên Ngài mới thọ kí cho Ta”. Nghĩa này nên biết.

Lại nữa, vì sao pháp đó không thể nói?

Như kinh nói: “Tu-bồ-đề! Như Lai là Chân như”. Ví như là thanh tịnh nên gọi là Như Lai. Do Như không thể nói nên nói như vậy: Như thanh tịnh nên gọi là Chân như, giống như vàng ròng. Hoặc có người nói ở chỗ Phật Nhiên Đăng, không có được pháp Chánh giác, mà sau này đức Thế Tôn tự mình chứng Chánh giác. Vì lìa chấp này, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu ai nói lời như vậy: Chánh giác của Như Lai là Vô thượng Chánh đẳng v.v...”

Kinh lại nói: “Tu-bồ-đề! Pháp Chánh giác của Như Lai, không phải thật, cũng không phải hư vọng”: Tức hiển bày Chân như là không hai. Vì sao nó không phải thực? Vì đó là ngôn thuyết. Vì sao không phải hư vọng, vì nó là Chánh giác.

Lại không thể không có ngôn thuyết của thế gian nên Kinh nói: “Thế nên hết thảy pháp Như Lai nói, tức là Phật pháp”.

“Hết thảy pháp”, ở đây có nghĩa gì? Đó là pháp như thanh tịnh. Như là trùm khắp hết thảy pháp. Nghĩa nó là như thế.

Lại nữa, thể của tất cả mỗi pháp không thành tựu, để an lập Đệ nhất nghĩa nên Kinh nói: “Tu-bồ-đề, cả thảy mọi pháp đều là phi pháp”, cho nên gọi là cả thảy pháp.

Lại vì hội nhập chứng đạo nên Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Ví như có người, thân vi diệu, thân to lớn v.v... là chỉ rõ khi hội nhập chứng đạo, được trí tuệ nên xa rời kiêu mạn. Được trí tuệ gì? Có hai thứ trí:

1. Nhiếp chủng tính trí.
2. Bình đẳng trí.

Nếu được trí rồi, thì được sinh vào nhà Như Lai, được quyết định nối dòng giống chư Phật, đây là Nhiếp chủng tính trí. Đã được trí này thì sẽ được thân vi diệu. Hoặc đời đời kiếp kiếp nguyện vọng được sinh vào nhà Như Lai, khi sinh rồi, thì được thân đẹp kia, gọi là diệu thân Bình đẳng trí. Lại có năm thứ nhân duyên bình đẳng:

1. Thô ác bình đẳng.
2. Pháp Vô ngã bình đẳng.

3. Đoạn tương ứng bình đẳng.
4. Tâm không mong cầu tương ứng bình đẳng.
5. Cả thầy Bồ-tát chứng đạo bình đẳng.

Khi có được các thứ bình đẳng trên thì được thân to lớn, thân nhiếp hết thầy chúng sinh... trong thân, an lập không còn mình và người phân biệt nữa.

Kinh nói: “Như Lai bảo: Có thân vi diệu thân lớn tức không phải là thân. Cho nên Như Lai mới gọi là thân vi diệu, thân lớn v.v... Đây là đối với thân vi diệu v.v... mà an lập Đệ nhất nghĩa. Như thế v.v... là chúng được trí tuệ.

Thế nào là lìa bỏ kiêu mạn? Như kinh nói: “Nếu Bồ-tát nói lời này v.v... câu này nên hiểu thế nào? Nếu nghĩ: Ta diệt độ chúng sinh. Ta là Bồ-tát thì nên biết đây là kiêu mạn, không phải là nghĩa Bồ-tát thật. Để chỉ rõ điều ấy, kinh nói: “Thế nên Như Lai nói”: Hết thầy pháp không có chúng sinh. Nếu Bồ-tát có ý niệm về chúng sinh, thì không được thân thân vi diệu, thân to lớn.

Bồ tát trên cầu quả Phật, giữa là làm thanh tịnh cõi nước với Tam Ma Bát Đế. Nên Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nói lời này: Ta phải trang nghiêm cõi nước cho thành tựu thì đó không phải là Bồ-tát”. Nghĩa này, vì chuyển chánh hạnh. Cộng kiến, vì đoạn trừ kiến chấp ấy nên an lập Đệ nhất nghĩa.

Kinh nói: “Như lai nói tức chẳng phải trang nghiêm, ấy mới gọi là trang nghiêm cõi nước”.

Lại nữa, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tin hiểu pháp Vô ngã: Pháp Vô ngã nói ở đây có hai thứ là: Nhân Vô ngã và pháp Vô ngã.

Kinh lại nói: “Như Lai gọi là Bồ-tát...” Bồ-tát ở đây là hai Vô ngã, là hai Chánh giác... Tức muốn chỉ rõ điều gì? Nếu nói ta thành tựu, tức là chấp lấy ngã. Còn trang nghiêm cõi nước, tức là chấp lấy pháp. Đều không phải là Bồ-tát.

Vì kiến, trí thanh tịnh đầy đủ, nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn không v.v...? Như Lai không chỉ có Tuệ nhãn, nhưng vì khiến cho biết Phật có kiến thanh tịnh thù thắng nên hiển thị có năm thứ mắt. Nếu khác với đây thì chỉ cầu tuệ nhãn kiến (thấy) thanh tịnh thôi. Trong đây nếu nói tóm tắt có bốn thứ mắt là:

1. Mắt thuộc về sắc (Nhục nhãn).
2. Mắt thuộc về Đệ nhất nghĩa đế.
3. Mắt thuộc về Thế đế.
4. Mắt thuộc về Nhất thiết chủng trí tất cả đều thuận theo

biết.

- Mắt thuộc về thấy sắc, lại có hai thứ, là quả pháp và quả tu, mà thành năm thứ mắt. Vì cảnh giới thô của mắt, nên mắt thuộc về sắc xếp ở đầu. Còn mắt thuộc về Đệ nhất nghĩa vì là trí lực là Thế trí chuyển không điên đảo, nên xếp trước mắt thuộc về Trí đế. Trong đây vì người nói pháp, pháp của người khác thuyết vì người khác nói trí ấy gọi là trí pháp. Trong tất cả pháp đều thuận theo biệt, đó là Nhất thiết chủng trí vô công dụng; trí này gọi là mắt Phật (Phật nhãn). Những mắt này gọi là kiến thanh tịnh. Như kinh nói thí dụ về hằng hà v.v... Hết thấy có bao nhiêu tâm trụ, ta đều biết hết. Đây là trí thanh tịnh. Tâm trụ là tâm ba đời. Bao nhiêu tâm là có hai loại là nhiễm và tịnh. Tức là tâm cùng với dục và tách khỏi tâm lìa dục. Đời tức là quá khứ, vị lai, hiện tại. Từ trong hai loại ấy mà an lập Đệ nhất nghĩa.

Kinh nói: “Tâm trụ ấy tức là không trụ... “cho đến” tâm quá khứ, không thể nắm bắt được. v.v...” Tâm quá khứ không nắm bắt được, là do nó đã diệt. Còn tâm vị lai thì chưa có. Đệ nhất nghĩa là ở hiện tại. Vì chứng đắc trong những pháp thuận theo biết nên an lập kiến. Vì dạy cho mỗi mỗi chúng sanh. Trong trí tịnh này, hễ nói tâm trụ, tức không phải trụ kia cái tâm tịch tĩnh nên an lập trí. Trong trí tịnh này, nói tâm trụ, tức không phải tâm trụ. Như vậy, ở trong kiến tịnh, sao không nói, mắt tức không phải là mắt? Do cùng một trụ xứ. Trí tịnh ở sau kiến an lập Đệ nhất nghĩa, đã thành tự, thì kiến cũng được thành tự.

Vì phước đức tự tại đầy đủ, nên kinh nói: “Ba ngàn đại thiên thế giới này v.v...” Trong đây cũng an lập Đệ nhất nghĩa. Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Nếu phước tự có thật v.v...”

Vì trong thân đầy đủ có đầy đủ tướng tốt đẹp. Nên Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có nên thấy Như Lai bằng sắc thân thành tự chẳng? Trong đó, cũng đã an lập Đệ nhất nghĩa”. Kinh nói: “Như Lai nói không phải thành tự”.

Vì tướng thân đầy đủ, nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có nên thấy Như Lai bằng tướng đầy đủ không? v.v...”

Vì ngữ đầy đủ, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thầy có cho Như Lai có nói pháp như vậy v.v... Ở đây, đã an lập Đệ nhất nghĩa. Kinh nói: Như Lai nói pháp, pháp nói ấy là v.v....

Vì là Niệm xứ ở trong tâm đầy đủ nên Kinh nói: “Thưa Thế Tôn! Ở đời vị lai, có chúng sinh nghe nói đến pháp này v.v...” Niệm xứ này trong chúng sinh biết, hiện thị như niệm xứ của Thế Tôn. Không phải chúng sinh là Đệ nhất nghĩa. Không phải là không chúng sinh, tức là

thế đế. “Người này là hiếm có bậc nhất”, làm chỉ rõ người thuyết, “Đệ nhất nghĩa”. Là bất cộng và tương ứng”. Câu này, như trước đã nói vì là chánh giác ở trong tâm đầy đủ, nên Kinh nói: “Lại có pháp nào mà Như Lai đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được Chánh giác v.v... Trong đó, câu “không có pháp nào”, là vì lìa bỏ lỗi thấy có.

Đã nói rõ Bồ-đề và đạo Bồ-đề ! Lại chỉ rõ Bồ-đề ấy, có hai thứ nhân duyên: Là nói ngữ “A Nậu Đa La” và từ ngữ “Tam-miêu-tam-Phật-đà”. Ở đây, kinh nói: “Những vi trần cho là pháp ấy thì đều không thể nắm bắt được, không thể có”. Là nói ngữ A Nậu Đa La chỉ rõ tự tướng của Bồ-đề và tướng giải thoát của Bồ-đề. Những vi trần cho là pháp ấy không có “thể”, nên cũng không nắm bắt được, cũng không có được, nên biết như vậy.

Kinh nói: “Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp bình đẳng” tức và nói Tam-miêu-tam-Phật-đà, là chỉ rõ tướng nhân (người) bình đẳng của Bồ-đề. Người bình đẳng dùng pháp Bồ-đề mà được biết đó là Phật. Trong đây câu kinh nói không có cao thấp”, chỉ rõ đều ở trong Đệ nhất nghĩa của hết thấy chư Phật. Vì thọ mạng không cao thấp v.v... Kinh nói: Không thọ mạng, không chúng sinh: Cái bình đẳng đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây chỉ rõ Bồ-đề đều có tướng bình đẳng đối với pháp sinh tử.

Kinh nói: “Hết thấy thiện pháp đều được chánh giác”. Đây là chỉ rõ đạo Bồ-đề.

Kinh nói: Gọi là thiện pháp, thiện pháp đó, Như Lai nói không phải thiện pháp v.v... Đó là an lập tướng Đệ nhất nghĩa. Vì thiết lập phát đại lợi (lợi ích rộng lớn) trong tâm đầy đủ, nên Kinh nói: “Có bao nhiêu núi Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới này v.v... Tức trong đó, an lập giáo thọ Đệ nhất nghĩa”.

Kinh nói: “Như Lai từng nghĩ: Ta có độ chúng sinh sao? v.v...” như thế là Như Lai có chấp thủ ngã v.v... Đây có nghĩa là gì? Như Lai như Trí cảnh mà nhận biết được. Nếu có tưởng chúng sinh tức là Như Lai có chấp thủ ngã. Nếu thật là Vô ngã mà nói tức là chấp thủ ngã. Vì lìa bỏ sự vướng mắc ấy. Kinh nói: “Tu-bồ-đề, Như lai chấp thủ ngã tức không phải chấp thủ v.v...” Cho nên, chỉ có hàng phàm phu, trẻ con mới chấp thủ ngã như thế.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Phàm phu, phàm phu ấy Như Lai nói không phải là phàm phu, ấy mới gọi là phàm phu”. Vì thân giữ pháp thân trong tâm đầy đủ nên Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có nên thấy Như Lai bằng tướng thành tựu không? v.v...” Trong đó, kệ đầu, đã chỉ rõ

những gì là không nên thấy, không thể thấy. Sao gọi là không thể thấy? Vì cái thấy đó nằm trong thế đế.

- “Người này hành tà tĩnh ? Định gọi là tĩnh. Vì người chứng thiền, gọi là người tịch tĩnh. Hơn nữa, thiền còn gọi là tư duy tu. Trong đó, tư là thuộc về ý, tu là thuộc về thức. Khi nói tịch tĩnh tức là nói về ý và thức. Các thứ này, thuộc về Thế đế, nên biết không thể dùng để thấy Phật, ấy là hành theo Thế đế. Kệ thứ hai chỉ rõ như thế đấy thì không nên thấy và nhân duyên không nên thấy, nghĩa là phần đầu và phần kế của kệ. Trong câu kệ nói: Nên thấy Phật bằng pháp, thì pháp đó có nghĩa là Chân như. Đây là nhân duyên gì? Kệ nói: Đạo sư lấy pháp làm thân lấy như làm duyên, sinh ra thân thanh tịnh của chư Phật, thân này không thể thấy. Chỉ nên thấy Pháp, thân đó không nên thấy. Do nhân duyên nào mà không thể thấy? Vì pháp ấy là tướng của Chân như. Không phải như ngôn thuyết mà biết, chỉ có tự chứng mới biết được. Không phải như ngôn thuyết: Nghĩa là không thấy được cái thực, cũng không có khả năng biết được. Để chỉ rõ nghĩa này, Kệ nói: Không có khả năng biết được thể của pháp. Cái không thể biết đó đã được chỉ rõ trong trụ xứ này, là thấy Như Lai phải thấy bằng pháp thân ngài, không phải thấy bằng tướng đầy đủ. Dù không thể thấy Như Lai bằng tướng đầy đủ, nhưng vẫn phải lấy tướng đầy đủ làm nhân để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Để lìa khỏi vương mắc này, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có thể nhờ tướng đầy đủ mà thành Chánh giác ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác v.v... Vì thì không trụ ở sinh tử hay Niết-bàn, trong tâm đầy đủ nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy có nghĩ: Phát tâm tu hành Bồ-tát thừa v.v...” Trong đó, kinh nói: Đối với pháp, không nói đoạn diệt, nghĩa là như pháp vốn an trụ mà thông suốt. Không phải cắt đứt hết bóng dáng của sinh tử mà vẫn tự tại nơi Niết-bàn, làm mọi việc ích lợi cho chúng sanh. Ở đây vì ngăn chặn một hướng cầu sự tịch tĩnh, nên chỉ rõ không trụ yên trong Niết-bàn. Nếu không trụ yên trong Niết-bàn thì phải chịu khổ não trong sinh tử. Vì lìa bỏ vương mắc này nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ... cho đến... Thế nên Bồ-tát nhận lấy phước đức v.v...” là trong đó, kinh nói “Vô ngã”, Vô sinh pháp nhẫn: là có nghĩa gì? Tức Như Lai đã đạt được tự tại đối với mọi pháp hữu vi, không còn pháp ngã sinh tử. Hơn nữa không bị nghiệp lực và phiền não sinh ra vì không sanh phiền não, nên gọi là Vô ngã, Vô sinh chỉ rõ thế nào? Ấy là, như nói: Được các phước đức khác mà đã khỏi phải chịu khổ trong sinh tử, hướng chi là Bồ-tát đã đắc nhẫn trong

pháp Vô ngã, Vô sinh, rồi thì phước đức sản sinh từ đây, sẽ nhiều hơn và thù thắng hơn kia.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Bồ-tát không nên thọ nhận phước tu v.v...” là chỉ rõ không trụ nơi sinh tử. Nếu trụ nơi sinh tử, tức là thọ nhận phước tụ.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề thưa: Không nên thọ nhận phước tụ chẳng? Đây có nghĩa gì? Do những nơi khác, đức Thế Tôn nói là nên thọ nhận phước tụ.

Kinh nói: Thế Tôn dạy, thọ nhận phước tụ, nhưng không chấp giữ phước đức, nên gọi là thọ nhận phước tụ. Câu: Không chấp giữ đó, là chỉ rõ phương tiện nên nhận mà không nên chấp trước vào đó như trước đã nói.

Vì oai nghi đi đứng trong tâm đầy đủ nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu ai nói Như Lai hoặc tối, hoặc lui v.v...” Trong đó, đi là tối lui, trụ là mọi oai nghi khác.

Vì phá chấp đi đứng trong danh sắc tự tại kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, lấy hết thủy vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới v.v...”, Trong đây dùng phương tiện rất nhỏ cho đến phương tiện không thấy gì cả, v.v... để phá chấp, như trước đã nói, nên biết.

Kinh nói: “Số vi trần ấy rất nhiều, đó là phương tiện rất nhỏ.

Kinh nói: “Thưa Thế Tôn! Nếu số vi trần ấy mà có, thì Thế Tôn không nói là vi trần v.v...” Đây là phương tiện không thấy gì cả. Nói như vậy, có nghĩa gì? Nếu từ Đệ nhất nghĩa, mà nhìn thấy có vi trần, thì Thế Tôn không nói chẳng phải vi trần. Ngài nói: “Nhóm vi trần ấy, chẳng phải là nhóm vi trần, nên mới gọi là nhóm vi trần”. Do Thể của nhóm này không thể thành tựu. Nếu khác đây thì dù không nói, cũng tự biết nhóm ấy nghĩa gì cần phải nói?

Kinh nói: “Như Lai nói tức chẳng phải thế giới”. Đây là phương tiện không thấy gì cả. Ở đây, là phá bỏ danh thân, như trước đã nói. Trong đó, thế giới, là chỉ rõ nơi chúng sinh ở, chỉ là danh thân mà được đặt tên.

Kinh nói: “Thưa Thế Tôn! Nếu thế giới là có ấy tức có sự thâm tóm vì trong đây, nói song song hoặc thế giới hoặc cõi vi trần. Có hai thứ thâm tóm: Thâm tóm làm một và thâm tóm sai biệt. Loại chúng sinh và thế giới chúng sinh có, là thâm tóm làm một. Còn có Vi trần, thì đấy là thâm tóm sai biệt. Vì chấp vi trần tụ tập, nên kinh nói: “Như Lai nói: Thâm tóm tức chẳng phải thâm tóm. Đây là thượng tọa Tu-bồ-đề, đã an lập nghĩa đệ nhất. Vì muốn thành tựu nghĩa ấy, nên Thế Tôn nói, thâm

tóm tức là không thể dùng ngôn thuyết để nói. Đây là chỉ rõ vì mọi ngôn thuyết Thế đế, nên có vì thấu tóm Đệ nhất nghĩa; nên pháp đó là không thể nói. Như trẻ nhỏ phàm phu chấp như ngôn thuyết, thì không phải là Đệ nhất nghĩa.

Đã nói về nghĩa phương tiện không thấy gì cả (vô sở kiến) để phá chưa nói nghĩa từ không thấy gì cả khi đi vào tam muội tương ứng thì không còn phân biệt. Nghĩa là như cái không phân biệt ấy, cho đến người nào, pháp nào, phương tiện nào... Thế nào là không phân biệt ; sau đây sẽ nói đủ.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu có ai nói: Như Lai nói ngã kiến v.v...” Đây là chỉ những gì không phân biệt. Đâu được chỉ bày Như lai nói giống như ngoại đạo nói Ngã ? Vì ngã kiến nên an trí Nhân (người) Vô ngã. Lại vì nói có ngã kiến (cái thấy vô ngã) này, nên đặt ra Pháp Vô ngã. Nếu có ngã kiến, là còn tùy thuộc về sự thấy (kiến chấp). Cứ như thế mà quán sát. Khi Bồ-tát tương ứng trong chánh định, thì không còn phân biệt nữa. Tức sự quán sát này là phương tiện đi vào không phân biệt pháp.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Bồ-tát thừa phát khởi hành...” Đây là chỉ rõ người nào không phân biệt. Kinh nói: “Đối với hết thấy pháp...” Tức chỉ rõ, không phân biệt pháp nào? Kinh nói: “Nên biết như thế, nên thấy như thế, nên hiểu như thế”. Đó là chỉ rõ tâm tăng thượng và trí tăng thượng, nên Trí kiến thắng giải trong vô phân biệt. Nếu trí nương vào Xa ma tha (chỉ) thì là Trí, còn nương vào Tì bát xá na (Quán) thì là. Cả hai thứ này đều nương vào Tam ma đề. Thắng giải vì Tam ma đề mà tự tại. Hiểu rõ mọi ảnh tượng qua lại duyên dựa bên trong đó, gọi là thắng giải.

Kinh nói: “Hiểu biết như thế, nhưng không trụ vào tướng pháp”. Đây chính thức chỉ rõ nghĩa không phân biệt. Kinh nói: Tướng pháp ấy, ý niệm về pháp đó, tức chẳng phải là tướng pháp, đó gọi là tướng pháp. Đây chỉ rõ nghĩa không chung và nghĩa tương ứng tướng pháp, như trước đã nói.

Như thế, trong hết thấy trụ xứ, phương tiện tương ứng Tam ma đề, nên biết cũng vậy. Dục, Nguyện và Nhiếp tâm tán loạn, hai thứ này như trước đã nói, không nghĩa khác. Do vậy, không nói lại phương tiện của nó. Vì trong tâm đầy đủ nói pháp vô nhiễm nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát lấy cả bảy báu đầy khắp trong vô lượng A tăng kỳ thế giới v.v...” Ở đây muốn chỉ rõ điều gì? Do có được lợi ích lớn như thế, nên quyết định diễn nói sự thật. Diễn nói như vậy mà tâm thì không

nhiễm.

Kinh nói: “Vì sao ? Vì diễn nói mà không diễn nói, ấy gọi là diễn nói”. Câu ấy nghĩa là gì? Là chỉ rõ vì pháp không thể nói năng được, cho nên không diễn nói. Pháp ấy có thể của pháp có thể nói thì nên như thế mà diễn nói. Nếu khác đây, thì diễn nói với tâm nhiễm, vì nghĩa trái đilen đảo. Lại nữa, khi nói như thế mà không mong cầu sự tin tưởng, tôn kính v.v... đó cũng là nói pháp không nhiễm. Vì tâm đầy đủ, không bị ô nhiễm sinh tử nên Phật nói kệ. “Sao màng che, đèn, huyễn v.v...” nghĩa này, như trước đã nói.

Nếu nghe nghĩa như thế, Không giác ngộ

Đại thừa, Ta nhớ xưa có đá,

Rốt cùng chẳng có nhân.

Người ngu gặp pháp cao sâu rộng này, Không thể hiểu

biết và tin hướng?

Nhiều người ở đời ngu như thế, Do đó, pháp này

bị bỏ hoang

Luận Kim Cang Cát Đoạn Bát-nhã Ba-la-mật

